

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 31/10/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 46

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Văn Hoan	Chủ tịch	Nghị việc hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/5/2024
Ông Nguyễn Viết Hiệp	Thành viên	
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 01/5/2024
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồng Linh	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Tú Anh	Trưởng ban
Bà Vương Phương Thảo	Thành viên
Ông Lê Trần Hùng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Viết Hiệp	Tổng Giám đốc	Nghị việc hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/5/2024 Phụ trách Ban Tổng Giám đốc từ ngày 01/5/2024
Ông Trần Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng

Ông Lương Văn Chiến

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số VII.5b – Hợp nhất doanh nghiệp, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/10/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Nam
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Số: 1095/2024/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 12 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/10/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội tại ngày 31/10/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.11 - Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước và Thuyết minh số VII.5a - Quản lý sử dụng đất tại Công ty thuộc phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó, Công ty trình bày thông tin về việc: Một phần diện tích đất Công ty quản lý, sử dụng chưa được chuyển giao hợp đồng thuê đất từ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam sau khi cổ phần hóa, theo đó, Công ty ghi nhận chi phí thuê đất theo thông báo của Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam và thông báo của cơ quan thuế. Chi phí tiền thuê đất và thuế đất của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào thông báo chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số IV.2 - Giả định hoạt động liên tục thuộc phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó trình bày thông tin về: (i) Tại ngày 31/10/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 313.935.394.400 đồng; và (ii) Thông tin về việc Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn đã hoàn thành việc hợp nhất thành Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt. Các vấn đề này được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày tại Thuyết minh số IV.2.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VII.5c – Thông tin về tranh chấp, kiện tụng thuộc phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả thông tin liên quan đến việc Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh đã khởi kiện Công ty vi phạm Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Hà Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Ngô Anh Dũng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5215-2021-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/10/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/10/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		435.239.419.583	426.761.675.125
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	145.279.742.930	158.894.860.735
Tiền	111		75.279.742.930	110.344.860.735
Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	48.550.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	112.000.000.000	90.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		112.000.000.000	90.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		102.075.395.664	101.865.003.986
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	88.985.151.658	73.597.404.975
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.338.073.970	4.465.623.520
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	24.827.231.272	42.367.036.727
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	V.5	(18.075.061.236)	(18.565.061.236)
Hàng tồn kho	140		69.153.684.800	68.960.216.159
Hàng tồn kho	141	V.6	69.153.684.800	68.960.216.159
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.730.596.189	7.041.594.245
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	6.168.128.538	6.452.300.599
Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.620.194	2.498.542
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	530.847.457	586.795.104
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		836.501.361.206	892.081.091.924
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000	100.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	15.000.000	100.000.000
Tài sản cố định	220		741.857.717.571	826.679.266.664
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	734.893.876.819	819.482.856.912
- Nguyên giá	222		3.520.681.412.449	3.540.948.701.072
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.785.787.535.630)	(2.721.465.844.160)
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	6.963.840.752	7.196.409.752
- Nguyên giá	228		9.402.021.630	9.402.021.630
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.438.180.878)	(2.205.611.878)
Tài sản dở dang dài hạn	240		228.728.704	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		228.728.704	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	753.000.000	753.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		753.000.000	753.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		93.646.914.931	64.548.825.260
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	93.646.914.931	64.548.825.260
TỔNG TÀI SẢN	270		1.271.740.780.789	1.318.842.767.049

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/10/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/10/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		782.074.208.826	884.231.123.159
Nợ ngắn hạn	310		429.588.602.033	482.533.262.396
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	80.457.812.135	71.653.270.939
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.469.666.113	1.706.651.466
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	55.008.351.435	42.285.214.955
Phải trả người lao động	314		124.042.301.490	144.882.067.957
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	1.115.409.780	27.468.597.403
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	88.343.442.830	84.485.287.338
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	26.248.009.590	30.782.807.787
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	52.807.608.660	79.173.364.551
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		96.000.000	96.000.000
Nợ dài hạn	330		352.485.606.793	401.697.860.763
Phải trả dài hạn khác	337	V.14	-	3.792.726.400
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	352.485.606.793	397.905.134.363
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		489.666.571.963	434.611.643.890
Vốn chủ sở hữu	410	V.16	489.666.571.963	434.611.643.890
Vốn góp của chủ sở hữu	411		800.589.700.000	800.589.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		800.589.700.000	800.589.700.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.012.266.363	3.012.266.363
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(313.935.394.400)	(368.990.322.473)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(368.990.322.473)	(383.056.591.512)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		55.054.928.073	14.066.269.039
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.271.740.780.789	1.318.842.767.049

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Đới Văn Toàn



Lương Văn Chiến



Trần Văn Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.499.962.921.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.789.493.880
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.497.173.428.113
Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.249.515.884.744
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		247.657.543.369
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.302.558.675
Chi phí tài chính	22	VI.5	28.093.284.469
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.092.900.429
Chi phí bán hàng	25	VI.6	155.679.083.036
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	40.384.475.750
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		29.803.258.789
Thu nhập khác	31	VI.8	25.339.162.746
Chi phí khác	32	VI.9	87.493.462
Lợi nhuận khác	40		25.251.669.284
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		55.054.928.073
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		55.054.928.073
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	688

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc



Đới Văn Toàn

Lương Văn Chiến

Trần Văn Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01		55.054.928.073
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		89.901.731.505
Các khoản dự phòng	03		(490.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(190.000)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(16.317.875.615)
Chi phí lãi vay	06		28.092.900.429
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		156.241.494.392
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(715.523.835)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(193.468.641)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(27.870.923.326)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(28.813.917.610)
Tiền lãi vay đã trả	14		(30.593.607.975)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		68.054.053.005
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.339.536.213)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		10.054.752.457
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(162.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		140.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.400.706.407
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.884.077.349)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền trả nợ gốc vay	34		(71.785.283.461)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.785.283.461)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(13.615.307.805)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	158.894.860.735
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		190.000
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	145.279.742.930

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024

Người lập biểu



Đới Văn Toàn

Kế toán trưởng



Lương Văn Chiến

Phó Tổng Giám đốc



Trần Văn Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội tiền thân là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 03/QĐ/ĐS-TCCB-LĐ ngày 07/7/2003 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại 03 Xí nghiệp Liên hiệp vận tải đường sắt Khu vực 1, 2 và 3.

Công ty đã thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Văn bản số 10293/VPCP-ĐMDN ngày 23/12/2014 của Chính phủ về việc cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và Quyết định số 64/QĐ-BGTVT ngày 08/01/2015 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa tại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0116000010 ngày 10/9/2003, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 7 số 0100106264 ngày 02/5/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 800.589.700.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/10/2024 là 3.137 người (tại ngày 01/01/2024 là 3.153 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt: Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Vận tải hàng hóa đường sắt: Đại lý và dịch vụ vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, chế tạo, đóng mới và sửa chữa các phương tiện, thiết bị, phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện và thiết bị vận tải;
- Các dịch vụ khác liên quan đến việc tổ chức và thực hiện chuyên chở hành khách, hành lý, bao gửi và hàng hóa bằng đường sắt;
- Cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng, kho hàng, bãi hàng, bãi đỗ xe, ki ốt, các cơ sở hạ tầng phục vụ văn hóa, thể thao;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, lưu kho, bảo quản hàng hóa;
- Kinh doanh xăng, dầu, mỡ bôi trơn;
- Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp các dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên và các dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (tiếp)**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/10/2024, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Toa xe hàng Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt, sửa chữa toa xe
Chi nhánh Toa xe Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ sửa chữa toa xe
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Lào Cai	Tỉnh Lào Cai	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đông Anh	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hải Phòng	TP. Hải Phòng	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hà Nội	TP. Hà Nội	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh	Tỉnh Nghệ An	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Huế	Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Phía Nam	Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ vận tải đường sắt
Chi nhánh Dịch vụ Vận tải Đa phương thức	TP. Hà Nội	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty. Công ty không có số liệu so sánh cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính tương ứng kèm theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024 cho mục đích hợp nhất doanh nghiệp được trình bày tại Thuyết minh số VII.5b phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, là kỳ kế toán cuối cùng của Công ty, Công ty chấm dứt hoạt động từ ngày 01/11/2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư giữa các đơn vị trực thuộc, văn phòng Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

2. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31/10/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 313.935.394.400 đồng. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là vận tải hành khách, hàng hóa trên tuyến đường sắt quốc gia, với hoạt động đặc thù này, Công ty đang từng bước cải thiện tình hình kinh doanh: doanh thu tăng trưởng và kinh doanh có lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh; các hoạt động đầu tư, cải tiến năng lực vận tải đang tiếp tục triển khai cùng với Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam (cổ đông chiếm 91,62% vốn điều lệ) và Bộ Giao thông Vận tải.

Bên cạnh đó, như trình bày tại Thuyết minh số VII.5b, Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn đã hoàn thành việc hợp nhất thành Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt theo phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/4/2022 và Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn đến năm 2025. Về mặt pháp lý, Công ty chấm dứt hoạt động từ ngày 01/11/2024, nhưng xét về bản chất, sau khi hoàn thành việc hợp nhất, Công ty sau hợp nhất vẫn duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh như bình thường. Theo đó, báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024 được lập trên giả định hoạt động liên tục.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư và công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau: Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/10/2024, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng; đối với các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và không điều chỉnh lại mức chi phí khấu hao đã trích kể từ thời điểm tài sản cố định hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng đến thời điểm quyết toán được phê duyệt.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10
Tài sản cố định khác	5

Các khoản lãi, lỗ khi phát sinh thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Theo Công văn số 2480/BTC-TCDN ngày 05/3/2019 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thống nhất việc điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) tối đa là 30 năm và 60 toa xe khách (mới) tối đa là 25 năm đối với Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2023 (thời điểm Công ty phải thanh lý hết số toa xe cũ hết niên hạn sử dụng). Việc kéo dài thời gian trích khấu hao của tài sản cố định là toa xe bảo đảm các quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo kinh doanh có lãi và nguồn vốn để thanh toán nợ.

Áp dụng Công văn trên, Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao của 250 toa xe chở container (mới) và 60 toa xe khách (mới) là 20 năm, áp dụng bắt đầu từ năm 2019 (thời gian khấu hao của các toa xe trên trong kỳ 2018 trở về trước là 15 năm). Tổng giá trị khấu hao chênh lệch lũy kế do áp dụng thay đổi thời gian khấu hao nêu trên đến ngày 31/12/2023 là 62.816.468.115 đồng sẽ được trích khấu hao bổ sung trong các năm tiếp theo, bắt đầu từ năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm giá mua, chi phí mua đang tập hợp, chi phí lắp đặt chạy thử, chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình thi công xây dựng, chi phí chung của ban quản lý và chi phí đi vay có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng đưa vào sử dụng.

11. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện

Bao gồm các khoản chi phí trực tiếp đã phát sinh trong quá trình bán vé tàu như: Hoa hồng các đại lý bán vé, chi phí sử dụng phần mềm bán vé điện tử, chi phí in ấn hóa đơn, phôi vé, phiếu lên tàu và các chi phí khác phát sinh khác (không bao gồm các chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, chi phí khấu hao, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí thuê đất và sử dụng đất) tại chi nhánh vận tải tương ứng với phần doanh thu bán vé chưa thực hiện vận tải.

Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng

Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty trong một năm (đối với chi phí trả trước ngắn hạn) và từ một năm trở lên (đối với chi phí trả trước dài hạn).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm. Công ty thực hiện phân bổ theo ngày kể từ ngày toa xe nghiệm thu hoàn thành ra xưởng và sẵn sàng đưa vào sử dụng, với ước tính tổng thời gian phân bổ là 03 năm (tương ứng 1.095 ngày), giá trị phân bổ được tính theo số ngày phân bổ trong kỳ.

Các khoản chi phí trả trước khác

Được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

12. Nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ này và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại các tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Doanh thu và thu nhập khác*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh của giao dịch & chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***17. Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tại ngày 31/10/2024, Công ty còn khoản lỗ còn được chuyển là 172.889.116.690 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chuyển lỗ này do Công ty không chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/10/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.446.385.534	1.416.749.615
Tiền gửi ngân hàng	73.833.357.396	108.928.111.120
Các khoản tương đương tiền (i)	70.000.000.000	48.550.000.000
	145.279.742.930	158.894.860.735

- (i) Tại ngày 31/10/2024, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 - 03 tháng hưởng lãi suất từ 1,6%/năm - 4,0%/năm tại các ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***2. Đầu tư tài chính****a) Đầu tư nắm giữ đến đáo hạn**

	31/10/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	112.000.000.000	112.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	112.000.000.000	112.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
	112.000.000.000	112.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000

- (i) Tại ngày 31/10/2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng hưởng lãi suất từ 4,0%/năm - 5,0%/năm tại các ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘISố 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***2. Đầu tư tài chính (tiếp)****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/10/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	753.000.000	-		753.000.000	-	
- Công ty Cổ phần Hải Vân Nam	738.400.000	-	(*)	738.400.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	14.600.000	-	(*)	14.600.000	-	(*)
	753.000.000	-		753.000.000	-	

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/10/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Một thành viên Logistics Viettel	52.212.961.530	14.024.709.822
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	9.489.953.924	9.549.953.924
Các đối tượng khác	27.282.236.204	50.022.741.229
	88.985.151.658	73.597.404.975

Trong đó, phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2c.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

4. Phải thu khác

	31/10/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	24.827.231.272	(7.260.231.292)	42.367.036.727	(7.260.231.292)
Tạm ứng	974.778.140	-	585.159.198	-
Ký cược, ký quỹ	2.140.720.000	-	1.140.720.000	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội	623.900	-	4.562.714	-
Phải thu Kinh phí công đoàn	-	-	2.618.874	-
Phải thu khác:	21.711.109.232	(7.260.231.292)	40.633.975.941	(7.260.231.292)
- Phải thu khác về chi phí chuyển tải do sự cố sập Cầu Ghềnh (i)	4.729.141.376	(4.729.141.376)	4.729.141.376	(4.729.141.376)
- Phải thu chi phí giải quyết sự cố tai nạn tàu SE2 (i)	1.704.551.200	(1.704.551.200)	1.704.551.200	(1.704.551.200)
- Phải thu chi phí giải quyết sự cố tai nạn khác	1.087.881.570	(826.538.716)	896.120.740	(826.538.716)
- Phải thu về lãi tiền gửi	2.199.194.520	-	3.306.152.672	-
- Tiền bán vé qua hệ thống bán vé điện tử do đối tác thu hộ	3.931.818.351	-	9.030.986.120	-
- Phải thu về tiền BHXH, BHYT, BHTN (ii)	854.495.370	-	1.028.201.622	-
- Phải thu cước vận chuyển tại các ga, trạm	2.904.572.260	-	12.505.716.387	-
- Các đối tượng khác	4.299.454.585	-	7.433.105.824	-
b) Dài hạn	15.000.000	-	100.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	15.000.000	-	100.000.000	-
	24.842.231.272	(7.260.231.292)	42.467.036.727	(7.260.231.292)

(i) Là các chi phí phát sinh liên quan đến việc khắc phục sự cố sập Cầu Ghềnh (thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) và tai nạn tàu SE2 với số tiền lần lượt là 4.729.141.376 đồng và 1.704.551.200 đồng chưa được xử lý do chưa có kết quả phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về xử lý sự cố cũng như trách nhiệm bồi thường của các bên liên quan. Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh được duyệt ngày 27/4/2022.

(ii) Là khoản BHXH, BHYT, BHTN phải thu của người lao động sẽ được thu tại thời điểm thanh toán lương.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

5. Nợ xấu

	31/10/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	9.489.953.924	-	9.549.953.924	-
Chi phí tai nạn giao thông đường sắt: Sập Cầu Ghềnh năm 2016	4.729.141.376	-	4.729.141.376	-
Chi phí tai nạn giao thông đường sắt: Tàu SE2 năm 2018	1.704.551.200	-	1.704.551.200	-
Chi phí tai nạn giao thông đường sắt: Tàu SE19 năm 2017	826.538.716	-	826.538.716	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Giao thông Vận tải	617.571.320	-	917.571.320	-
Công ty Cổ phần DAP số 2	285.224.900	-	415.224.900	-
Công ty Cổ phần Bê tông Bảo Quân Vĩnh Phúc	186.459.800	-	186.459.800	-
Các đối tượng khác	235.620.000	-	235.620.000	-
	18.075.061.236	-	18.565.061.236	-

6. Hàng tồn kho

	31/10/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	66.473.150.190	-	65.518.393.005	-
Công cụ, dụng cụ	583.950.716	-	1.071.985.954	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	857.097.195	-	1.539.720.810	-
Thành phẩm	710.327.439	-	574.535.037	-
Hàng hóa	529.159.260	-	255.581.353	-
	69.153.684.800	-	68.960.216.159	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***7. Chi phí trả trước**

	31/10/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	6.168.128.538	6.452.300.599
- Chi phí tương ứng doanh thu chưa thực hiện (i)	3.547.285.742	4.126.228.201
- Chi phí in vé	55.526.300	160.052.020
- Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác	2.565.316.496	2.166.020.378
b) Dài hạn	93.646.914.931	64.548.825.260
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	82.280.601.547	57.679.804.508
- Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác	11.366.313.384	6.869.020.752
	99.815.043.469	71.001.125.859

- (i) Là các khoản chi phí trực tiếp đã phát sinh trong quá trình bán vé tàu như: Hoa hồng các đại lý bán vé, chi phí sử dụng phần mềm bán vé điện tử, chi phí in ấn hóa đơn, phôi vé, phiếu lên tàu và các chi phí khác phát sinh (không bao gồm các chi phí bảo hiểm, kinh phí công đoàn, chi phí khấu hao, chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí thuê đất và sử dụng đất) tại chi nhánh vận tải tương ứng với phần doanh thu bán vé chưa thực hiện vận tải tại ngày 31/10/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘISố 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
01/01/2024	110.444.562.629	258.520.461.096	3.164.112.298.158	7.841.379.189	30.000.000	3.540.948.701.072
Mua mới trong kỳ	-	252.364.545	4.371.242.964	487.200.000	-	5.110.807.509
Thanh lý, nhượng bán	(3.887.028.000)	-	(21.491.068.132)	-	-	(25.378.096.132)
31/10/2024	<u>106.557.534.629</u>	<u>258.772.825.641</u>	<u>3.146.992.472.990</u>	<u>8.328.579.189</u>	<u>30.000.000</u>	<u>3.520.681.412.449</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2024	(86.631.363.076)	(246.464.000.405)	(2.380.790.196.581)	(7.550.284.098)	(30.000.000)	(2.721.465.844.160)
Khấu hao trong kỳ	(2.870.425.084)	(3.414.479.914)	(83.214.342.507)	(169.915.000)	-	(89.669.162.505)
Thanh lý, nhượng bán	3.887.028.000	-	21.460.443.035	-	-	25.347.471.035
31/10/2024	<u>(85.614.760.160)</u>	<u>(249.878.480.319)</u>	<u>(2.442.544.096.053)</u>	<u>(7.720.199.098)</u>	<u>(30.000.000)</u>	<u>(2.785.787.535.630)</u>
Giá trị còn lại						
01/01/2024	<u>23.813.199.553</u>	<u>12.056.460.691</u>	<u>783.322.101.577</u>	<u>291.095.091</u>	<u>-</u>	<u>819.482.856.912</u>
31/10/2024	<u>20.942.774.469</u>	<u>8.894.345.322</u>	<u>704.448.376.937</u>	<u>608.380.091</u>	<u>-</u>	<u>734.893.876.819</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/10/2024 là 1.973.045.732.420 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 1.755.384.963.727 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại ngày 31/10/2024 là 713.256.629.042 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 566.866.681.134 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
01/01/2024	8.416.285.868	838.735.762	147.000.000	9.402.021.630
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
31/10/2024	<u>8.416.285.868</u>	<u>838.735.762</u>	<u>147.000.000</u>	<u>9.402.021.630</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
01/01/2024	(1.513.461.878)	(545.150.000)	(147.000.000)	(2.205.611.878)
Khấu hao trong kỳ	(140.449.000)	(92.120.000)	-	(232.569.000)
31/10/2024	<u>(1.653.910.878)</u>	<u>(637.270.000)</u>	<u>(147.000.000)</u>	<u>(2.438.180.878)</u>
Giá trị còn lại				
01/01/2024	<u>6.902.823.990</u>	<u>293.585.762</u>	<u>-</u>	<u>7.196.409.752</u>
31/10/2024	<u>6.762.374.990</u>	<u>201.465.762</u>	<u>-</u>	<u>6.963.840.752</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/10/2024 là 330.000.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 330.000.00 đồng).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/10/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	14.396.442.779	14.396.442.779	12.261.445.966	12.261.445.966
Công ty TNHH Vận tải Thuận Việt	12.235.416.676	12.235.416.676	8.210.056.090	8.210.056.090
Các đối tượng khác	53.825.952.680	53.825.952.680	51.181.768.883	51.181.768.883
	<u>80.457.812.135</u>	<u>80.457.812.135</u>	<u>71.653.270.939</u>	<u>71.653.270.939</u>

Trong đó, phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2c.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

11. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/10/2024
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	4.846.667.298	52.348.712.119	51.881.219.417	5.314.160.000
- Thuế thu nhập cá nhân	32.760.431	3.517.799.493	2.419.495.406	1.131.064.518
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất (i)	33.046.299.093	10.951.174.381	2.276.256.662	41.721.216.812
- Các khoản thuế khác	-	20.822.628	20.822.628	-
- Các khoản phí và lệ phí khác (ii)	4.359.488.133	137.553.620.602	135.071.198.630	6.841.910.105
	42.285.214.955	204.392.129.223	191.668.992.743	55.008.351.435

- (i) Các khoản tiền thuê đất và thuế đất được Công ty ghi nhận theo thông báo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam và thông báo của cơ quan thuế. Chi phí tiền thuê đất và thuế đất của Công ty có thể thay đổi tùy thuộc vào thông báo chính thức của cơ quan thuế có thẩm quyền (chi tiết xem tại Thuyết minh số VII.5a).

Từ năm 2019 đến nay, Công ty không nhận được thông báo của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam về thông báo tiền thuê đất tại 551 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội, theo đó, Công ty đang hạch toán chi phí thuê đất theo đơn giá năm 2023.

- (ii) Phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt.

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/10/2024
	VND	VND	VND	VND
b) Phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	17.223.174	93.322.088	120.432.140	44.333.226
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.303.028	-	-	406.303.028
- Thuế thu nhập cá nhân	163.268.902	572.533.050	458.107.608	48.843.460
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	144.058.111	175.425.854	31.367.743
	586.795.104	809.913.249	753.965.602	530.847.457

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/10/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí thuê vỏ, vận chuyển, nâng hạ container	621.049.500	620.363.500
Lãi vay	484.562.698	2.985.270.244
Trích trước chi phí điều hành giao thông vận tải	-	22.311.781.817
Các khoản trích trước khác	9.797.582	1.551.181.842
	1.115.409.780	27.468.597.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

13. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/10/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền vé đã bán đi sau niên độ (i)	88.333.003.000	84.482.079.000
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	10.439.830	3.208.338
	88.343.442.830	84.485.287.338

- (i) Khoản đã thu tiền bán vé trong kỳ nhưng khách hàng sử dụng dịch vụ vận tải trong kỳ sau.

14. Phải trả khác

	31/10/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	26.248.009.590	30.782.807.787
Kinh phí công đoàn	4.519.410	-
Bảo hiểm xã hội	290.904	-
Bảo hiểm y tế	51.336	-
Bảo hiểm thất nghiệp	22.816	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.460.921.400	1.111.223.117
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.782.203.724	29.671.584.670
- Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh (i)	18.267.444.877	18.267.444.877
- Tiền cược vận chuyển hàng hóa nộp trước còn thừa so với giấy báo thu cho các ga (tiền thừa giấy báo thu)	1.178.388.511	4.851.316.603
- Phải trả trợ cấp thôi việc	298.262.274	1.136.354.750
- Thu vận tải về hành khách bảo lưu (ii)	938.045.000	1.015.474.000
- Phải trả các khoản ký quỹ, ký cược hết thời hạn	20.062.000	2.110.000.000
- Các đối tượng khác	2.080.001.062	2.290.994.440
b) Dài hạn	-	3.792.726.400
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	3.792.726.400
	26.248.009.590	34.575.534.187

- (i) Khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008 và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 theo Bản án số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết xem tại Thuyết minh số VII.5c).
- (ii) Số tiền phải trả liên quan đến việc bảo lưu vé của khách hàng với kỳ hạn 90 ngày hoặc 365 ngày.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2024		Trong kỳ		31/10/2024	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn	79.173.364.551	79.173.364.551	45.419.527.570	71.785.283.461	52.807.608.660	52.807.608.660
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>79.173.364.551</i>	<i>79.173.364.551</i>	<i>45.419.527.570</i>	<i>71.785.283.461</i>	<i>52.807.608.660</i>	<i>52.807.608.660</i>
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	26.584.454.891	26.584.454.891	-	26.584.454.891	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (i)	8.847.284.320	8.847.284.320	8.847.284.315	8.847.284.315	8.847.284.320	8.847.284.320
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Hà Nội (ii)	22.172.085.340	22.172.085.340	16.793.088.255	16.574.389.255	22.390.784.340	22.390.784.340
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (iii)	21.569.540.000	21.569.540.000	19.779.155.000	19.779.155.000	21.569.540.000	21.569.540.000
b) Vay dài hạn	397.905.134.363	397.905.134.363	-	45.419.527.570	352.485.606.793	352.485.606.793
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (i)	44.236.421.597	44.236.421.597	-	8.847.284.315	35.389.137.282	35.389.137.282
- Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển - CN Hà Nội (ii)	197.191.876.725	197.191.876.725	-	16.793.088.255	180.398.788.470	180.398.788.470
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Phòng (iii)	156.476.836.041	156.476.836.041	-	19.779.155.000	136.697.681.041	136.697.681.041
	477.078.498.914	477.078.498.914	45.419.527.570	117.204.811.031	405.293.215.453	405.293.215.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

- (i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành theo Hợp đồng tín dụng số 01/2019/3855530/HĐTD ngày 30/8/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành. Mục đích để thanh toán cho dự án hoán cải, nâng cấp 45 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 100.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần theo thông báo của Ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của 3 ngân hàng: BIDV, Vietcombank, Vietinbank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2019/3855530/HĐBĐ ngày 30/8/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.
- (ii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - Chi nhánh Hà Nội (trước đây là Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội) bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 108.1866/2017/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 19/10/2017 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cho vay là 270.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 85% tổng mức đầu tư trước thuế của dự án “Đóng mới 30 toa xe khách”. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 30 toa xe. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: Quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ của 30 toa xe khách hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng số 06/2017/VTHN-XLDA-ĐTSC-TXHP- XLGL ký ngày 18/8/2017 giữa bên vay và Liên danh nhà thầu bao gồm: Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An, Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cẩm, Công ty Cổ phần Toa xe Hải Phòng và Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm. Theo thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ ngày 26/8/2020, Công ty đã điều chỉnh 3.360.051.000 đồng khoản vay ngắn hạn đến hạn trả sang vay dài hạn.
 - Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 108.1369/2020/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 31/12/2020 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội. Số tiền cho vay là 92.600.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay theo quy định của PG Bank tại thời điểm giải ngân chi tiết theo từng khế ước nhận nợ và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán và thanh toán bù đắp chi phí đóng mới 100 toa xe H khổ đường 1000mm. Phương thức cho vay từng lần theo dự án đầu tư. Biện pháp bảo đảm tiền vay: 100 toa xe H khổ đường 1000mm hình thành từ vốn vay thuộc Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm” theo Quyết định số 98/QĐ-HĐQT ngày 01/7/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội về việc phê duyệt Dự án Đầu tư xây dựng công trình “Đóng mới toa xe hàng - 100 toa xe H khổ đường 1000mm”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***15. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

- (iii) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng bao gồm 02 khoản vay theo các hợp đồng:
- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2018/VCB-ĐSHN ngày 23/7/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án đóng mới 30 toa xe thuộc dự án “Đầu tư mới 30 toa xe khách vận chuyển trên tuyến Hà Nội - Hồ Chí Minh”. Thời hạn cho vay 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất năm đầu tiên là 9%/năm, lãi suất từ năm thứ 2 trở đi là bình quân lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau của 3 ngân hàng: Vietinbank, BIDV và Vietcombank + biên độ 2,8%/năm. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01/2018/VCB-ĐSHN-PTGT ngày 23/7/2018 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng;
 - Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số HĐ 01/2019/VCB-ĐSHN ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Mục đích để thanh toán cho dự án cải tạo nâng cấp 30 toa xe khách. Hạn mức cho vay là 76.823.000.000 đồng. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 9%/năm sau đó được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo thông báo của ngân hàng và thực hiện theo nguyên tắc: Lãi suất cho vay xác định bằng lãi suất tiết kiệm cá nhân 12 tháng trả sau bình quân của 3 ngân hàng: VietinBank, BIDV và Vietcombank trong từng thời kỳ + 2,8%/năm. Thời hạn cho vay là 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường sắt số 01.2019/HĐTC/VCB-ĐSHN ngày 20/02/2019 giữa Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

16. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	800.589.700.000	3.012.266.363	(383.056.591.512)	420.545.374.851
- Lãi trong năm trước	-	-	14.066.269.039	14.066.269.039
31/10/2023	800.589.700.000	3.012.266.363	(368.990.322.473)	434.611.643.890
01/01/2024	800.589.700.000	3.012.266.363	(368.990.322.473)	434.611.643.890
- Lãi trong kỳ này	-	-	55.054.928.073	55.054.928.073
31/10/2024	800.589.700.000	3.012.266.363	(313.935.394.400)	489.666.571.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp)**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/10/2024		01/01/2024	
	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %	Vốn đã góp VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	733.521.960.000	91,62	733.521.960.000	91,62
Các cổ đông khác	67.067.740.000	8,38	67.067.740.000	8,38
	800.589.700.000	100,00	800.589.700.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	800.589.700.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối kỳ	800.589.700.000
Cổ tức lợi nhuận đã chia	-

d) Cổ phiếu

	31/10/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.058.970	80.058.970
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	80.058.970	80.058.970
- Cổ phiếu phổ thông	80.058.970	80.058.970
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	80.058.970	80.058.970
- Cổ phiếu phổ thông	80.058.970	80.058.970
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/10/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.012.266.363	3.012.266.363
	3.012.266.363	3.012.266.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	31/10/2024	01/01/2024
a) Ngoại tệ các loại (USD)	200,00	200,00
b) Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.950.015.361	2.950.015.361

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.499.453.417.928
- Doanh thu vận tải	2.256.387.492.940
- Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải	243.065.924.988
Doanh thu bán hàng khác	509.504.065
	2.499.962.921.993

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số VII.2b.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Chiết khấu thương mại	2.789.493.880
	2.789.493.880

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.249.006.380.679
- Giá vốn hoạt động vận tải	2.019.155.950.033
- Giá vốn hoạt động hỗ trợ vận tải	229.850.430.646
Giá vốn bán hàng khác	509.504.065
	2.249.515.884.744

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.293.748.255
Lãi chênh lệch tỷ giá	8.810.420
	6.302.558.675

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Lãi tiền vay	28.092.900.429
Lỗ chênh lệch tỷ giá	384.040
	28.093.284.469

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.384.475.750
- Chi phí nhân viên quản lý	24.154.312.090
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu quản lý	1.587.335.623
- Chi phí khấu hao TSCĐ	711.221.750
- Thuế, phí và lệ phí	48.068.318
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(490.000.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.574.060.575
- Chi phí bằng tiền khác	11.799.477.394
b) Chi phí bán hàng	155.679.083.036
- Chi phí nhân viên bán hàng	88.834.946.029
- Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	10.049.313.889
- Chi phí khấu hao TSCĐ	811.466.909
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.434.180.595
- Chi phí bằng tiền khác	14.549.175.614

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố****Từ 01/01/2024****đến 31/10/2024****VND**

Chi phí nguyên vật liệu	226.129.405.328
Chi phí nhân công	547.602.177.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	89.901.731.505
Thuế, phí và lệ phí	148.669.675.722
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(490.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	225.715.292.229
Chi phí điều hành giao thông vận tải trả Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.123.844.484.185
Chi phí bằng tiền khác	83.697.173.232
	2.445.069.939.465

8. Thu nhập khác**Từ 01/01/2024****đến 31/10/2024****VND**

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (i)	10.024.127.360
Thu phí trả vé tàu	11.318.470.170
Bồi thường giải phóng mặt bằng (ii)	3.155.356.962
Các khoản khác	841.208.254
	25.339.162.746

(i) Phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

(ii) Khoản tiền bồi thường giải phóng mặt bằng tại 449A Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Số tiền này được xác định căn cứ theo Quyết định số 9233/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của Ủy ban Nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 01 cơ quan trong phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện dự án “Xây dựng trường tiểu học tại số 449A Ngọc Lâm, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội”. Trong kỳ, Công ty đã nhận được toàn bộ số tiền bồi thường này.

9. Chi phí khác**Từ 01/01/2024****đến 31/10/2024****VND**

Chi phí bồi thường, phạt hành chính	34.752.390
Chi phí thanh lý vật tư, phụ tùng	3.400.000
Các khoản khác	49.341.072
	87.493.462

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘISố 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du,
quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**Từ 01/01/2024****đến 31/10/2024****VND**

Lợi nhuận kế toán trước thuế	55.054.928.073
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	83.202.670
- Các khoản tiền phạt và chi phí không hợp lệ khác	83.202.670
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	(55.138.130.743)
- Chuyển lỗ các năm trước	(55.138.130.743)
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-

Tại ngày 31/10/2024, Công ty có các khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	31/10/2024	01/01/2024
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế	(172.889.116.690)	(244.208.051.925)

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31/10/2024 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Thời hạn chuyển lỗ	Số lỗ phát sinh	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ còn được chuyển	Số lỗ đã hết hạn chuyển	Tình trạng
		VND	VND	VND		
2020	2021-2025	154.753.788.604	71.318.935.235	83.434.853.369	-	Đã quyết toán
2021	2022-2026	89.454.263.321	-	89.454.263.321	-	Đã quyết toán
		244.208.051.925	71.318.935.235	172.889.116.690	-	

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**Từ 01/01/2024****đến 31/10/2024****VND**

Lợi nhuận sau thuế thu thập doanh nghiệp	55.054.928.073
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.054.928.073
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	80.058.970
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngoài sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số VII.5b – Hợp nhất doanh nghiệp, không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính này.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**a) Thông tin về các bên liên quan**

Trong kỳ, Công ty phát sinh giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	Công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Ga Đồng Đăng	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Vinh	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lào	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	Chi nhánh của công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)****a) Thông tin về các bên liên quan (tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Lào Cai	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn	Chi nhánh của công ty mẹ
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	Chi nhánh của công ty mẹ
Trung tâm Y tế Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc công ty mẹ
Trường Cao đẳng Đường sắt	Đơn vị sự nghiệp trực thuộc công ty mẹ
Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	Cơ sở của đơn vị sự nghiệp trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đường Sắt Thuận Hải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)****a) Thông tin về các bên liên quan (tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Chi nhánh của công ty cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	Công ty mẹ là cổ đông của công ty này

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan mật thiết với các thành viên này là bên liên quan của Công ty.

b) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 31/10/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	85.715.960.195
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	54.895.900.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	14.577.463.218
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	12.225.565.686
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	1.645.649.921
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	1.515.970.373
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	250.745.890
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Vinh	195.210.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc	104.077.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	102.260.107
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Hà Nội	93.868.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn	65.000.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	33.500.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	10.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**b) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

Từ 01/01/2024

đến 31/10/2024

VND

Mua hàng và dịch vụ	1.421.920.718.060
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	1.299.928.227.646
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	61.464.611.344
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	17.237.462.259
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	12.738.682.290
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	11.722.422.043
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	4.749.377.608
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng	3.882.283.533
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Trung tâm Y tế Đường sắt	3.609.264.626
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	2.064.916.955
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	843.374.793
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	559.148.218
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế	499.850.428
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Vinh	356.662.768
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	331.200.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	294.815.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Đà Nẵng	254.985.185
- Trường Cao đẳng Đường sắt	244.800.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	221.525.547
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thanh	186.107.006
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn	180.034.500
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Lào Cai	139.820.600
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình	81.102.875

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**b) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)**

Từ 01/01/2024

đến 31/10/2024

VND

Mua hàng và dịch vụ (tiếp)

- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lào	74.433.930
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	65.560.456
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Ga Đồng Đăng	63.677.500
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt Vinh	57.798.636
- Phân hiệu Cao đẳng Đường sắt Đà Nẵng	33.600.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh	19.926.018
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang	14.351.852
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Thuận Hải	694.444

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

Từ 01/01/2024

đến 31/10/2024

VND

Hội đồng Quản trị	611.934.861
- Ông Đỗ Văn Hoan	229.288.724
- Ông Lê Minh Tuấn	193.953.542
- Ông Nguyễn Tiến Hiệp	188.692.595
Ban Tổng Giám đốc	461.249.536
- Ông Trần Văn Nam	190.459.502
- Ông Nguyễn Viết Hiệp	81.239.967
- Ông Nguyễn Hồng Linh	189.550.066
Ban Kiểm soát	213.827.454
- Bà Trần Thị Tú Anh	178.988.150
- Bà Vương Phương Thảo	17.336.240
- Ông Lê Trần Hùng	17.503.063
Kế toán trưởng	178.988.150
- Ông Lương Văn Chiến	178.988.150

1.466.000.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)****c) Số dư với các bên liên quan**

Tại ngày 31/10/2024, Công ty có số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	31/10/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	14.231.582.268	13.168.831.212
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Khu vực 1	9.489.953.924	9.549.953.924
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại	4.741.628.344	3.524.824.080
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Vinh	-	70.385.760
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc	-	9.072.000
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	-	8.910.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	-	5.685.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	180.000.000	5.390.000
- Trường Cao đẳng Đường sắt	180.000.000	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	-	5.390.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan (tiếp)**c) Số dư với các bên liên quan (tiếp)**

	31/10/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	22.953.838.491	23.046.826.205
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	14.396.442.779	12.261.445.966
- Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm	2.816.738.437	338.846.669
- Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An	1.760.027.792	544.970.255
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	1.604.761.062	6.708.964.855
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Sài Gòn	1.019.080.088	2.089.899.965
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn	440.663.176	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội	410.312.856	263.348.269
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Xí nghiệp Đầu máy Hà Nội	228.393.950	447.153.890
- Công ty Cổ phần Thông tin Tín hiệu Đường sắt	147.000.000	147.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Chi nhánh Toa xe Đà Nẵng	97.758.791	17.109.612
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Trung tâm Y tế Đường sắt	29.250.000	-
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	3.409.560	-
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	-	124.000.200
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghệ Tĩnh	-	61.212.410
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Thái Hải	-	25.324.114
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Lạng	-	11.664.000
- Trường Cao đẳng Đường sắt	-	5.200.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	-	686.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	55.676.000	67.234.000
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt	55.676.000	67.234.000

3. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh vận tải đường sắt, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động kinh doanh và trong tổng tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Công ty không có số liệu so sánh cho Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính tương ứng kèm theo.

5. Những thông tin khác**a) Quản lý sử dụng đất tại Công ty**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Hà Nội, sau cổ phần hóa, Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam nắm giữ khoảng 91,62% vốn điều lệ của Công ty; đồng thời, một số lô đất được giao, được thuê sử dụng chuyển giao cổ phần hóa tính vào vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty đang do Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam ký kết và chưa được chuyển giao ký lại các hợp đồng thuê đất trực tiếp giữa Công ty và cơ quan quản lý Nhà nước tại địa phương. Theo đó, ngoài tiền thuê đất, tiền thuế đất phải nộp trực tiếp cho cơ quan thuế, Công ty phải nộp tiền thuê đất, tiền thuế đất thông qua Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam.

b) Hợp nhất doanh nghiệp

Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn đã hoàn thành việc hợp nhất thành Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt theo phương án cơ cấu lại doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Văn bản số 303/TTg-ĐMDN ngày 07/4/2022 và Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam giai đoạn đến năm 2025. Công ty chấm dứt hoạt động từ ngày 01/11/2024.

Ngày 17/10/2024, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội quyết định hủy đăng ký giao dịch đối với cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội với những nội dung sau:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội;
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Mã chứng khoán: HRT;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu;
- Số lượng cổ phiếu hủy đăng ký giao dịch: 80.058.970 cổ phiếu (Tám mươi triệu không trăm năm mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi cổ phiếu);
- Ngày hủy đăng ký giao dịch: 31/10/2024;
- Ngày giao dịch cuối cùng trên hệ thống giao dịch UpCoM: 30/10/2024;
- Lý do hủy đăng ký giao dịch: Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội chấm dứt sự tồn tại do tổ chức lại (hợp nhất doanh nghiệp), thuộc trường hợp hủy đăng ký giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt (Công ty sau hợp nhất) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu số 0110879376 vào ngày 01/11/2024. Trụ sở chính của Công ty sau hợp nhất tại số 130 Lê Duẩn, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty sau hợp nhất theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần là 1.303.689.700.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính)***c) Thông tin về tranh chấp, kiện tụng**

Theo Bản án phúc thẩm số 177/2021/KDTM-PT ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội và trên cơ sở nguyên tắc thận trọng của Chuẩn mực kế toán: Công ty đã ghi nhận vào chi phí năm 2021 số tiền là 18.267.444.877 đồng (bao gồm khoản phải trả cho Công ty TNHH Thương mại và Vận chuyển Hàng hóa Ý Minh về bồi thường thiệt hại do vi phạm Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 40/HĐ-CTH-YM ngày 16/12/2008 là 17.623.809.695 đồng và tiền khai thác 51 toa xe từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 10 năm 2019 là 643.635.182 đồng).

Ngày 29/6/2022, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra Quyết định số 16/2022/KN-KDTM kháng nghị giám đốc, đề nghị Ủy ban Thẩm phán cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 177/2021/KDTM ngày 02/11/2021 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội và hủy toàn bộ Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm 06/2022/KDTM-ST ngày 26/01/2021 và ngày 01/02/2021 của Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, giao Tòa án Nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, chưa có kết luận của giám đốc thẩm.

*Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2024***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Phó Tổng Giám đốc****Đới Văn Toàn****Lương Văn Chiến****Trần Văn Nam**